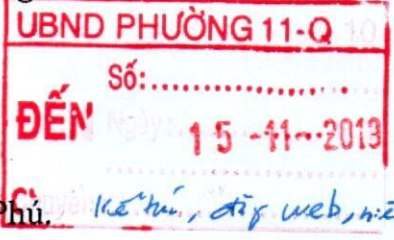




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 5, ngày 11 tháng 11 năm 2019



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Kính gửi:

ĐẾN Số: 229
Ngày: 13/11
Chuyên: Khoa PCT
Lưu hồ sơ số: P. Q. L. T. ; NP

- Ủy ban nhân dân Quận 10;
- Ủy ban nhân dân Quận 11;
- Ủy ban nhân dân Quận Tân Phú.

+UBND 15P Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019 – 2022;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lộ trình 2019 – 2022;

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân trân trọng thông báo đến Ủy ban nhân dân Quận, Ủy ban nhân dân Phường, các tổ dân phố và hộ dân trên địa bàn về việc điều chỉnh giá nước sạch có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2019, cụ thể như sau:

| Định mức sử dụng nước | Đơn giá (đồng/m ³) | | | |
|--|--------------------------------|----------|----------|----------|
| | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| a) Đến 4m ³ /người/tháng | | | | |
| - Hộ dân cư | 5.600 | 6.000 | 6.300 | 6.700 |
| - Riêng hộ nghèo và cận nghèo | 5.300 | 5.600 | 6.000 | 6.300 |
| b) Từ 4m ³ đến 6m ³ /người/tháng | 10.800 | 11.500 | 12.100 | 12.900 |
| c) Trên 6m ³ /người/tháng | 12.100 | 12.800 | 13.600 | 14.400 |

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

| Đối tượng sử dụng nước | Đơn giá (đồng/m ³) | | | |
|--|--------------------------------|----------|----------|----------|
| | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể | 10.900 | 11.600 | 12.300 | 13.000 |
| Đơn vị sản xuất | 10.200 | 10.800 | 11.400 | 12.100 |
| Đơn vị kinh doanh, dịch vụ | 17.900 | 19.000 | 20.100 | 21.300 |

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

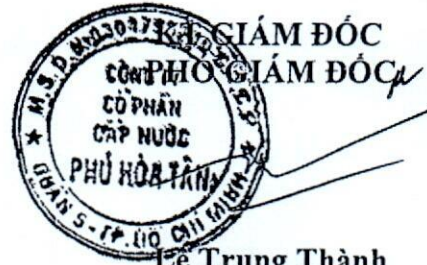
Ngoài ra, thực hiện theo nội dung Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019, các hộ dân thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo khi liên hệ Công ty Cấp nước để đăng ký định mức nước xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

1. Sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương)
2. Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (nếu có)
3. Các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng nước (giấy báo tiền nước, hợp đồng ...)

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân số 86 Tân Hưng P.12 Q.5 - Phòng Tiếp khách hàng; Đường dây nóng: 0909 408 595; Tổng đài điện thoại (028) 39.552.652 – (028) 38.558.410 hoặc truy cập Website <http://phuwaco.com.vn>.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân Quận, Ủy ban nhân dân Phường, các tổ dân phố hỗ trợ Công ty trong việc thông tin đến người dân trên địa bàn cùng triển khai thực hiện theo quy định.

Trân trọng kính chào./.



Lê Trung Thành



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 25 /2019/QĐ-UBND

Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 25.10.2019 15:36:51 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá nước sạch sinh hoạt
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019-2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5961/TT-STC-QLG ngày 25 tháng 9 năm 2019; thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn 4988/STP-VB ngày 27 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

| Định mức sử dụng nước | Đơn giá (đồng/m ³) | | | |
|--|--------------------------------|----------|----------|----------|
| | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| a) Đến 4m ³ /người/tháng | | | | |
| - Hộ dân cư: | 5.600 | 6.000 | 6.300 | 6.700 |
| - Riêng hộ nghèo và cận nghèo: | 5.300 | 5.600 | 6.000 | 6.300 |
| b) Từ 4m ³ đến 6m ³ /người/tháng | 10.800 | 11.500 | 12.100 | 12.900 |
| c) Trên 6m ³ /người/tháng | 12.100 | 12.800 | 13.600 | 14.400 |

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Điều 2. Đối tượng sử dụng nước

1. Đối tượng các hộ dân cư bao gồm:

- Các hộ dân cư sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.
- Các khu dân cư, chung cư, khu lưu trú công nhân, các cư xá, ký túc xá; các cơ sở xã hội; cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

2. Hộ nghèo và hộ cận nghèo là những hộ dân cư trên địa bàn thành phố (căn cứ Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Sổ tạm trú) có Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Định mức sử dụng nước sạch được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn căn cứ theo Sổ hộ khẩu thường trú và Sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong Sổ hộ khẩu thường trú và Sổ tạm trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp sinh viên và người lao động thuê nhà ở (không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh) có thời hạn hợp đồng thuê nhà từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào giấy xác nhận tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, được tính định mức như nhân khẩu thường trú.

Điều 3. Giao Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV quyết định giá nước sạch cho các mục đích sử dụng khác ngoài giá nước sạch cho sinh hoạt quy định tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo phù hợp với phương án giá nước sạch lộ trình 2019-2022 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính để kiểm tra, giám sát thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp cấp nước, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- BTP: Cục KTrVB;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Phòng ĐT, TTCB;
- Lưu: VT, (ĐT-INC) HI. 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan

Số: 728 /QĐ-TCT-KDDVKH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lộ trình 2019 - 2022

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND, ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành giá nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lộ trình 2019 - 2022;

Căn cứ Thông báo số 126/TB-VP, ngày 20/03/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố về Phương án giá nước sạch lộ trình 2019 - 2022, trong đó chấp thuận Phương án 2 ban hành giá nước theo ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại công văn số 1531/STC-PQLG, ngày 15/03/2019;

Căn cứ công văn số 1531/STC-PQLG, ngày 15/03/2019 của Sở Tài chính về thẩm định Phương án giá nước sạch lộ trình 2019 - 2022 trên cơ sở công văn số 101/TCT-KDDVKH, ngày 10/01/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về Phương án giá nước sạch lộ trình 2018 - 2022;

Căn cứ công văn số 800/TCT-KDDVKH, ngày 27/03/2019 về Phương án giá nước sạch lộ trình 2019 - 2022 đã hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại công văn số 1531/STC-PQLG, ngày 15/03/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 177/NQ-TCT-HĐTV, ngày 05/11/2019 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lộ trình 2019 – 2022;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 1135/GUQ-TCT-HĐTV, ngày 05/11/2019 của Người đại diện theo pháp luật Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

| Đối tượng sử dụng nước | Đơn giá (đồng/m ³) | | | |
|--|--------------------------------|----------|----------|----------|
| | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể | 10.900 | 11.600 | 12.300 | 13.000 |
| Đơn vị sản xuất | 10.200 | 10.800 | 11.400 | 12.100 |
| Đơn vị kinh doanh, dịch vụ | 17.900 | 19.000 | 20.100 | 21.300 |

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Điều 2. Đối tượng sử dụng nước

a) Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, bao gồm:

- Cơ quan nhà nước là hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp được tổ chức từ trung ương đến địa phương.

- Đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng, thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

- Lực lượng vũ trang.

- Các đoàn thể, cơ sở tôn giáo, các tổ chức xã hội được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện được Nhà nước công nhận.

b) Đơn vị sản xuất, bao gồm: các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công, trồng trọt, chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu, công trình xây dựng và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất khác (trừ các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát).

c) Đơn vị kinh doanh - dịch vụ, bao gồm: các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, các điểm kinh doanh ăn uống, giải khát; các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí; các trung tâm thương mại - dịch vụ, chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại; các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền; các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát; các tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh, dịch vụ khác.

d) Trường hợp sử dụng chung đồng hồ nước:

- Trường hợp có nhiều đối tượng sử dụng nước cùng sử dụng chung một đồng hồ nước, doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng thỏa thuận xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các đối tượng khác nhau.

- Trường hợp các đơn vị sự nghiệp có hoạt động kinh doanh - dịch vụ, doanh nghiệp cấp nước thỏa thuận với khách hàng xác định tỷ lệ sử dụng nước cho hoạt động kinh doanh - dịch vụ.

Điều 3. Các khách hàng có hệ thống ống nội bộ, mua nước sạch và phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước khác trong hệ thống ống nội bộ được giảm 10% đơn giá theo đối tượng sử dụng nước, bao gồm: khu dân cư, chung cư, cư xá, ký túc xá, khu lưu trú công nhân; khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất; khu thương mại, dịch vụ, khu chợ đầu mối.

Đối với các khách hàng mua nước sạch và phân phối lại cho nhiều đối tượng sử dụng nước khác nhau, doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các đối tượng khác nhau.

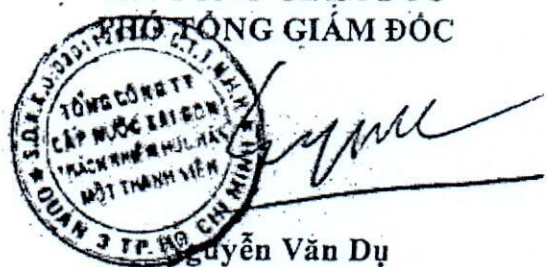
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Điều 5. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, Giám đốc các doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các đối tượng sử dụng nước quy định tại điều 2 và điều 3 thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 5
- Ủy ban nhân dân thành phố: để báo cáo
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng: để báo cáo
- UBND các quận/huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy
- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KDDVKH (H)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ TÔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dụ